

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11; Luật số 26/2018/QH15
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn
bản quy phạm pháp luật; được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số
187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ
trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 8722/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Lâm Đồng về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi tổ chức các
giải thi đấu thể thao do tỉnh Lâm Đồng tổ chức; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn
hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tại Kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi tổ chức các
giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao trên
địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
2. Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao.
3. Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu.
4. Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu; thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá, futsal.
5. Vận động viên, huấn luyện viên.
6. Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ.
7. Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.
8. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Khoản thu từ hoạt động thi đấu, biểu diễn, dịch vụ hoạt động thể thao; chuyển nhượng quyền sở hữu đối với giải thể thao thành tích cao và giải thể thao chuyên nghiệp.
3. Nguồn đầu tư, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.
4. Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 4. Nội dung và mức chi

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại Đại hội, giải thi đấu thể thao cấp tỉnh:
 - a) Đối tượng và mức chi:

STT	Đối tượng	Mức chi
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	190.000 đồng/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	160.000 đồng/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	190.000 đồng/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	140.000 đồng/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	80.000 đồng/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp	

	chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao cấp tỉnh)	
a	Người tập	
-	Tập luyện	70.000 đồng/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 02 buổi)	100.000 đồng/buổi
-	Chính thức	160.000 đồng/buổi
b	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	140.000 đồng/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal tại Đại hội thể thao cấp tỉnh; giải bóng đá trẻ cấp tỉnh	
a	Giải bóng đá nam, nữ	
-	Trọng tài chính	320.000 đồng/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	220.000 đồng/buổi
-	Điều phối viên	160.000 đồng/buổi
b	Giải futsal nam, nữ và bãi biển	
-	Trọng tài chính	220.000 đồng/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	160.000 đồng/buổi
-	Điều phối viên	120.000 đồng/buổi

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

c) Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 117/2025/TT-BTC.

d) Trường hợp đối tượng được hưởng chế độ gồm: Trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal); nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ; Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal tại Đại hội thể thao cấp tỉnh; giải bóng đá trẻ cấp tỉnh là người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì áp dụng bằng mức chi tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 117/2025/TT-BTC.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại đối với các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này là người Việt Nam: thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu; mức chi cụ thể như sau:

a) Tiền ăn trong thời gian tham gia giải thi đấu thực hiện theo chế độ phụ cấp lưu trú quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC (*sau đây gọi là Thông tư số 40/2017/TT-BTC*) và Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng.

b) Tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND.

c) Người thuộc đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi đi công tác phục vụ đại hội, giải thi đấu được hưởng chế độ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND.

3. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại đối với quan chức, trọng tài, giám sát người nước ngoài; trọng tài, giám sát người Việt Nam do Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc tế phong cấp và điều động: Việc chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại thực hiện theo thực tế nhưng mức tối đa không vượt quá quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước và các quy định hiện hành của tỉnh Lâm Đồng.

4. Chi chế độ cho huấn luyện viên thể thao, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu và các quy định hiện hành của tỉnh Lâm Đồng và Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi chế độ, chính sách đối với thành viên các đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu.

5. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (*đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao cấp tỉnh*): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

6. Chi dịch thuật và các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Thông tư số 117/2025/TT-BTC.

7. Đối với chi thực hiện nhiệm vụ tại Đại hội và các giải thi đấu thể thao do các xã, phường, đặc khu tổ chức được áp dụng mức chi bằng 70% mức chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này.

8. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 117/2025/TT-BTC.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2026

Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2012/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định về chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao và một số chế độ đặc thù đối với trọng tài các giải bóng đá, huấn

luyện viên, vận động viên tại tiểu mục 1, Mục II phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 về việc cho áp dụng và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành trước sáp nhập.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa XI, Kỳ họp thứ 4 (kỳ họp thường lệ giữa năm) thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XI;
- VP: TU; ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm thông tin và Hội nghị - VP UBND tỉnh;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung